

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng; số 02/2020/TT-BXD ngày 20/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 thông tư có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2119/TTr-SXD ngày 17/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang làm cơ sở để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan áp dụng, sử dụng trong việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*chi tiết theo Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Ủy quyền cho Giám đốc Sở Xây dựng công bố đơn giá nhân công xây dựng định theo kỳ hàng tháng, hoặc quý hoặc khi có sự thay đổi về giá nhân

công trên thị trường xây dựng làm cơ sở lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và gửi kết quả công bố về Bộ Xây dựng để theo dõi quản lý theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng; (Báo cáo)
- Thường trực Tỉnh ủy; (Báo cáo)
- Thường trực HĐND tỉnh; (Báo cáo)
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh; (Báo cáo)
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Như Điều 3; (Thi hành)
- Các Phó VP UBND tỉnh;
- Phòng Tin học - Công báo;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trưởng các phòng thuộc khối NCTH;
- Lưu: VT. (A)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Sơn

PHỤ LỤC
Đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 665 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT	Nhóm	Cấp bậc công nhân bình quân	Đơn giá nhân công xây dựng bình quân theo khu vực (đồng/ngày công)	
			Khu vực 1	Khu vực 2
I	Công nhân xây dựng trực tiếp			
1	Nhóm 1	3,5/7	210.000	207.000
2	Nhóm 2	3,5/7	221.000	218.000
3	Nhóm 3	3,5/7	221.000	218.000
4	Nhóm 4	3,5/7	232.000	228.000
5	Nhóm 5	3,5/7	232.000	228.000
6	Nhóm 6	3,5/7	242.000	232.000
7	Nhóm 7	3,5/7	242.000	232.000
8	Nhóm 8	3,5/7	221.000	218.000
9	Nhóm 9	2/4	244.000	235.000
10	Nhóm 10	2/4	246.000	237.000
II	Kỹ sư (khảo sát, thí nghiệm vật liệu)	4/8	246.000	237.000
III	Tư vấn xây dựng			
1	Kỹ sư cao cấp, chủ nhiệm dự án		610.000	560.000
2	Kỹ sư chính, chủ nhiệm bộ môn		503.000	453.000
3	Kỹ sư		385.000	347.000
4	Kỹ thuật viên trình độ trung cấp, cao đẳng, đào tạo nghề		290.000	261.000

STT	Nhóm	Cấp bậc công nhân bình quân	Đơn giá nhân công xây dựng bình quân theo khu vực (đồng/ngày công)	
			Khu vực 1	Khu vực 2
IV	Nghệ nhân	1,5/2	527.000	502.000
V	Thuyền trưởng, thuyền phó			
1	Thuyền trưởng	1,5/2	377.000	359.000
2	Thuyền phó	1,5/2	332.000	317.000
VI	Thủy thủ, thợ máy	2/4	296.000	280.000
VII	Thợ điều khiển tàu sông	1,5/2	296.000	280.000
VIII	Thợ lặn	2/4	504.000	479.000

Ghi chú:

- Khu vực 1: Áp dụng cho địa bàn thành phố Tuyên Quang (thuộc vùng III theo Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ).

- Khu vực 2: Áp dụng cho địa bàn các huyện còn lại (thuộc vùng IV theo Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ).